

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-ST

Ngày 13- 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới;
2. Ông Nguyễn Tiến Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2020/HSST ngày 03/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/HSST - QĐ ngày 31/7/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L; Vợ Đỗ Thị Phương Thanh; con 01 sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự không; Nhân thân: Bản án số 80/HSST ngày 27/9/2012, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là 16 tháng 16 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chấp hành xong án phí HSST ngày 06/12/2012; Ngày 25/10/2013 bị Chủ tịch UBND huyện L ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào sở chữa bệnh (cai nghiện) tại Trung tâm Giáo dục- Lao động xã hội tỉnh Bắc Giang. Chấp hành xong ngày 25/10/2015; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/4/2020 đến nay “có mặt”

Bị hại Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Quân Khánh T, sinh năm 1989 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn K, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 25/3/2020, Nguyễn Văn N đi bộ dọc từ ngã tư Thân, thị trấn Đồi Ngô theo Quốc lộ 37 và Tỉnh lộ 293 đến địa phận xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang mục đích xem ở đâu có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N đi đến Đ nội đồng Công Phang, thuộc địa phận thôn G, xã K, huyện L thì phát hiện thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu sơn xanh- xám, BKS 98M9-7285 của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968, trú tại thôn G, xã K, huyện L đi làm đồng đang dựng ở rìa Đ không có người trông coi, xe không khóa cổ, khóa càng nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Do không có chìa khóa, N tìm xung quanh thấy 01 thanh kim loại dẹt, dài khoảng 20 cm, rồi dùng tay uốn thanh kim loại thành hình chữ L. N cầm thanh kim loại cho vào ổ khóa điện của xe mô tô BKS 98M9-7285 rồi vặn theo chiều kim đồng hồ thì mở được ổ khóa. N để nguyên thanh kim loại ở ổ khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe vừa trộm cắp được đi theo Đ liên xã Bảo Sơn- thị trấn K, huyện G để tìm nơi tiêu thụ. Trên Đ đi, thanh kim loại bị rơi mất, N không biết rơi ở đâu. Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 26/3/2020, N điều khiển xe mô tô trộm cắp đến một cửa hàng sửa chữa xe máy ở thị trấn K và xin được 01 chìa khóa xe máy cũ để sử dụng làm chìa khóa điện (N khai không nhớ cửa hàng xe máy này ở vị trí nào). N dùng chìa khóa trên để mở cốp xe thì thấy bên trong cốp xe có số tiền 220.000 đồng; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Yên; 01 giấy chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Văn Đ. N giữ lại giấy đăng ký xe mô tô và số tiền 220.000 đồng, còn giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn Đ thì N vứt đi (N khai không nhớ vứt ở đâu). Sau đó N điều khiển xe mô tô trộm cắp đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Quản Khánh T, sinh năm 1989 ở thôn T, thị trấn K, huyện G thì gặp anh T và anh Chu Văn Kiên, sinh năm 1995, trú tại Khu 1, thị trấn K, huyện G. Tại đây, N đặt vấn đề với anh T muốn bán chiếc xe mô tô BKS 98M9-7285, anh T hỏi giấy tờ xe thì N đưa cho anh T một giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Yên và nói dối đăng ký xe mang tên bố của N. Tin tưởng N nên anh T đồng ý mua chiếc xe BKS 98M9-7285 với giá 6.500.000 đồng, đã đưa tiền cho N tạm 6.000.000 đồng, sau đó N giao xe mô tô cùng 01 đăng ký xe mô tô cho anh T. Anh T yêu cầu N viết 01 giấy cam kết bán xe cho anh T và anh T có chụp lại ảnh chân dung và giấy chứng minh nhân dân của N. Sau khi bán xe mô tô cho anh T, N đi về và sử dụng hết số tiền 220.000 đồng cùng số tiền bán xe.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: Chiếc xe Honda, loại xe Future, màu sơn xanh- xám, BKS 98M9-7285 có giá trị 7.650.000 đồng.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Bị hại anh Nguyễn Văn Đ đã nhận được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Anh Quản Khánh T yêu cầu Nguyễn Văn N phải hoàn trả số tiền 6.000.000 đồng cho anh T, bị cáo đồng ý trả lại số tiền này cho anh T.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo N từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Về hình phạt bổ sung, miễn phạt tiền cho bị cáo vì bị cáo không có thu nhập, không nghề nghiệp ổn định. Ngoài ra còn đề xuất về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 25/3/2020, tại cánh đồng Cống Phang, thuộc địa phận thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future, màu sơn xanh- xám, BKS 98M9-7285 có giá trị 7.650.000 đồng và số tiền 220.000 đồng trong cốp xe mô tô của ông Nguyễn Văn Đ, trú tại thôn G, xã K, huyện L. Trị giá tài sản N trộm cắp là 7.870.000 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú nên

được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Tuy N bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta. Xét mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bị cáo phải trả lại cho anh Quản Khánh T số tiền 6.000.000 đồng tiền bị cáo nhận từ việc bán xe theo quy định khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo N 01 chứng minh thư nhân dân không liên quan đến hành vi phạm tội. Cần tịch thu tiêu tuý 01 chìa khoá xe máy không có giá trị sử dụng.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 19/4/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn N phải trả lại cho anh Quản Khánh T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn N. Tịch thu tiêu huỷ 01 chìa khoá xe máy HONDA, tay cầm bằng nhựa màu đen.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Bảo Đài;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến – Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Lục Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thái – Nguyễn Thị Hoan

Nguyễn Thị Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện LN;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Tiên Hưng;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Linh